

của Ban đại diện Hội đồng quản trị theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Điều 27.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Lập danh sách hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

2. Chỉ đạo việc thành lập và chấp thuận hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn.

3. Tổ chức và chỉ đạo Ban Chỉ đạo Chương trình xóa đói, giảm nghèo cấp xã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc bình xét hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn, bảo đảm dân chủ và công khai, xác nhận danh sách hộ nghèo vay vốn, phối hợp với tổ chức cho vay, Tổ tiết kiệm và vay vốn kiểm tra việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu hồi nợ.

4. Có ý kiến về đề nghị của người vay đối với các trường hợp xin gia hạn nợ và xử lý rủi ro.

5. Phối hợp với các Ban, ngành chức năng ở cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tài trợ và tổ chức cho vay mở các lớp hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, kiến thức về thị trường..., Quy chế Vay vốn, trả nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Điều 28.** Những tổ chức và cá nhân có thành tích trong việc tạo lập nguồn vốn, chấp hành tốt các quy định về cho vay mang lại hiệu quả thiết thực sẽ được khen thưởng.

Hàng năm, Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét và đề nghị khen thưởng bằng các hình thức thích hợp.

#### *Chương V*

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 29.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 30.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

*Thủ tướng*

PHAN VĂN KHẢI

## **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính.**

### **CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

### **NGHỊ ĐỊNH:**

#### *Chương I*

### **CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính.

**Điều 2.** Định nghĩa Công ty Tài chính.

Công ty Tài chính là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, với chức năng là sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính, tiền tệ và thực hiện một số dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, nhưng không được làm dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi dưới 1 năm.

### **Điều 3. Hình thức thành lập.**

Công ty Tài chính được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới các hình thức sau:

1. Công ty Tài chính Nhà nước: là Công ty Tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh.

2. Công ty Tài chính cổ phần: là Công ty Tài chính do các tổ chức và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của pháp luật, được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần.

3. Công ty Tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng: là Công ty Tài chính do một tổ chức tín dụng thành lập bằng vốn tự có của mình và làm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, hạch toán độc lập và có tư cách pháp nhân.

4. Công ty Tài chính liên doanh: là Công ty Tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài, trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

5. Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài: là Công ty Tài chính được thành lập bằng vốn của một hoặc của nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 4. Vốn pháp định.**

Vốn pháp định của Công ty Tài chính được Chính phủ quy định. Việc thay đổi mức vốn pháp định của Công ty Tài chính do Chính phủ quyết định.

### **Điều 5. Thời hạn hoạt động.**

Thời hạn hoạt động của Công ty Tài chính tại Việt Nam không quá 50 năm. Trường hợp cần gia hạn thời hạn hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá 50 năm.

### **Điều 6. Giải thích thuật ngữ.**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhận ủy thác là việc Công ty Tài chính sử dụng vốn ủy thác để cho vay hoặc đầu tư vào các dự án, công trình trên cơ sở hợp đồng ủy thác giữa bên ủy thác và Công ty Tài chính.

2. Bao thanh toán là hình thức chiết khấu chứng từ nhằm tài trợ tín dụng đối với doanh nghiệp, trên cơ sở mua lại các khoản nợ phải thu của các doanh nghiệp phát sinh từ việc bán hàng trả chậm, thực hiện việc quản lý hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán cho các doanh nghiệp.

### **Điều 7. Quản lý nhà nước.**

Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính, cấp và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; giám sát và thanh tra hoạt động của các Công ty Tài chính tại Việt Nam; ban hành các văn bản hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính; thực hiện những nhiệm vụ quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

## **TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY TÀI CHÍNH**

### **Mục 1. CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 8. Điều kiện cấp Giấy phép.**

1. Điều kiện để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đối với Công ty Tài chính (dưới đây gọi tắt là Giấy phép) gồm:

- a) Có nhu cầu về hoạt động của Công ty Tài chính;
- b) Có đủ vốn pháp định theo quy định của Chính phủ;
- c) Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- d) Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty Tài chính;
- đ) Có Điều lệ tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật;
- e) Có dự thảo phương án kinh doanh khả thi.

2. Ngoài các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, bên nước ngoài trong Công ty Tài chính liên doanh, Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài cần phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện các hoạt động ngân hàng hoặc các hoạt động của Công ty Tài chính;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam.

#### **Điều 9. Hồ sơ cấp Giấy phép.**

1. Hồ sơ xin cấp Giấy phép gồm:

- a) Đơn xin cấp Giấy phép; trong đó nêu rõ các nghiệp vụ xin phép hoạt động;
- b) Dự thảo điều lệ;
- c) Phương án hoạt động 3 năm đầu, trong đó nêu rõ hiệu quả và lợi ích kinh tế trong hoạt động của Công ty Tài chính;
- d) Danh sách, lý lịch, các văn bằng chứng minh

năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);

- đ) Mức vốn góp, phương án góp vốn và danh sách những cá nhân, tổ chức góp vốn;
- e) Tình hình tài chính và các thông tin có liên quan về các cổ đông lớn;
- g) Chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nơi đặt trụ sở của Công ty Tài chính.

2. Ngoài các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ xin cấp Giấy phép đối với Công ty Tài chính liên doanh và Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài còn bao gồm:

- a) Điều lệ của các bên góp vốn;
- b) Giấy phép của các bên góp vốn;
- c) Văn bản của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Tài chính liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài;
- d) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất của các bên góp vốn;
- đ) Hợp đồng liên doanh đối với Công ty Tài chính liên doanh.

3. Hồ sơ xin cấp Giấy phép đối với các Công ty Tài chính liên doanh và Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài được lập thành 2 bộ, một bộ bằng tiếng Việt Nam và một bộ bằng tiếng Anh những tài liệu trong bộ hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự. Các bản sao bằng tiếng Việt Nam và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt Nam phải được cơ quan công chứng Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

#### **Điều 10. Lệ phí cấp Giấy phép.**

Công ty Tài chính được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 11. Thời hạn cấp và sử dụng Giấy phép.**

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp Giấy phép đối với Công ty Tài chính, Ngân hàng Nhà nước phải cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản giải thích lý do.

2. Tại Giấy phép cấp cho Công ty Tài chính, Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các hoạt động nghiệp vụ Công ty Tài chính được thực hiện.

3. Công ty Tài chính được cấp phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép. Cấm làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.

**Điều 12. Điều kiện khai trương hoạt động.**

1. Để tiến hành hoạt động, Công ty Tài chính được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có đủ vốn pháp định và có trụ sở phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty Tài chính;

c) Phần vốn pháp định góp bằng tiền phải được gửi vào tài khoản phong tỏa không được hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước trước khi hoạt động tối thiểu 30 ngày. Số vốn này chỉ được giải tỏa sau khi Công ty Tài chính khai trương hoạt động;

d) Có văn bản pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền được phép sử dụng trụ sở chính của Công ty Tài chính tại Việt Nam;

đ) Đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về những nội dung quy định trong Giấy phép.

2. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Công ty Tài chính được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép phải khai trương hoạt động.

**Điều 13. Thu hồi Giấy phép.**

Việc thu hồi Giấy phép của các Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Mục 2. TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH**

**Điều 14. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và thành lập công ty trực thuộc.**

1. Công ty Tài chính được mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, ngoài nước sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

2. Công ty Tài chính được thành lập công ty trực thuộc, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập để hoạt động dịch vụ tài chính, tiền tệ, môi giới, bảo hiểm, chứng khoán và tư vấn theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở chi nhánh, văn phòng đại diện và thành lập công ty trực thuộc.**

Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở chi nhánh và văn phòng đại diện, thành lập công ty trực thuộc của Công ty Tài chính được áp dụng theo Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng và theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 16. Quản trị, điều hành và kiểm soát.**

Việc quản trị, điều hành, kiểm soát, hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại Mục 3 và Mục 4

Chương II Luật Các tổ chức tín dụng và theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### *Chương III*

## **HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH**

### *Mục 1. HUY ĐỘNG VỐN*

**Điều 17.** Các hình thức huy động vốn:

Công ty Tài chính được huy động vốn từ các nguồn sau:

1. Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế.

4. Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

### *Mục 2. HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG*

**Điều 18.** Cho vay.

Công ty Tài chính được cho vay dưới các hình thức:

1. Cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Cho vay theo ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật Các tổ chức tín dụng và hợp đồng ủy thác.

3. Cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp.

**Điều 19.** Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác.

1. Công ty Tài chính được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân.

2. Công ty Tài chính và các tổ chức tín dụng khác được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác cho nhau.

**Điều 20.** Bảo lãnh.

Công ty Tài chính được bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh của Công ty Tài chính phải được thực hiện theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 21.** Các hình thức cấp tín dụng khác.

Công ty Tài chính được cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

### *Mục 3. MỞ TÀI KHOẢN VÀ DỊCH VỤ NGÂN QUỸ*

**Điều 22.** Mở tài khoản.

1. Công ty Tài chính được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty Tài chính đặt trụ sở chính và các ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

2. Công ty Tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì tại

đó số dư bình quân không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 23.** Dịch vụ ngân quỹ.

Công ty Tài chính được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

**Mục 4. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Điều 24.** Các nghiệp vụ khác được phép thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, gồm:

1. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác.
2. Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng.
3. Tham gia thị trường tiền tệ.
4. Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng.
5. Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp.
6. Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng.
7. Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng.
8. Cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác.

**Điều 25.** Các nghiệp vụ phải được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

1. Hoạt động ngoại hối: Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp Giấy phép cho Công ty Tài chính được thực hiện một số hoạt động ngoại hối theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

2. Hoạt động bao thanh toán: Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm ban hành quy định hướng dẫn việc thực hiện hoạt động bao thanh toán và xem xét cho phép Công ty Tài chính có đủ điều kiện thực hiện hoạt động này.

3. Các hoạt động khác.

**Mục 5. CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH**

**Điều 26.** Việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro.

Công ty Tài chính phải dự phòng rủi ro và hạch toán khoản dự phòng rủi ro này vào chi phí hoạt động. Việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 27.** Trường hợp không được cấp tín dụng.

Công ty Tài chính không được cấp tín dụng đối với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng, không được chấp nhận bảo lãnh của các đối tượng theo quy định trên để làm cơ sở cho việc cấp tín dụng đối với khách hàng.

**Điều 28.** Trường hợp hạn chế tín dụng.

1. Công ty Tài chính không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi cho những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Tổng dư nợ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không được vượt quá 5% vốn tự có của Công ty Tài chính.

3. Mức bảo lãnh đối với một khách hàng và tổng mức bảo lãnh của Công ty Tài chính không được vượt quá tỷ lệ so với vốn tự có của Công ty

Tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 29.** Giới hạn góp vốn mua cổ phần

1. Mức góp vốn, mua cổ phần của Công ty Tài chính trong một doanh nghiệp; tổng mức góp vốn, mua cổ phần của Công ty Tài chính trong tất cả các doanh nghiệp không được vượt quá mức tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Tổng số vốn của Công ty Tài chính đầu tư vào tổ chức tín dụng khác dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần phải trừ khỏi vốn tự có của Công ty Tài chính khi tính các tỷ lệ an toàn.

**Điều 30.** Các quy định bảo đảm an toàn.

Công ty Tài chính phải tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn sau:

1. Duy trì tỷ lệ bảo đảm an toàn được quy định tại Điều 81 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

2. Mua và đầu tư vào tài sản cố định của mình không quá 50% vốn tự có của Công ty Tài chính.

3. Giới hạn cho vay đối với một khách hàng được quy định như sau:

a) Tổng dư nợ cho vay một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của Công ty Tài chính, trừ trường hợp đối với những khoản cho vay từ các nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức, cá nhân hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng khác;

b) Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng vượt quá 15% vốn tự có của Công ty Tài chính hoặc khách hàng có nhu cầu huy động vốn từ nhiều nguồn thì Công ty Tài chính được tiến hành cho vay hợp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Các quy định về an toàn khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

*Chương IV*

**TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN  
VÀ BÁO CÁO**

**Điều 31.** Tài chính.

1. Năm tài chính của Công ty Tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Thu, chi tài chính của Công ty Tài chính được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 84 và khoản 2 Điều 110 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 32.** Hạch toán.

1. Hạch toán của Công ty Tài chính được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 86 và khoản 1 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

2. Đối với các nghiệp vụ mới bổ sung của Công ty Tài chính chưa được quy định tài khoản thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm bổ sung các tài khoản mới vào hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng.

**Điều 33.** Trích lập và sử dụng các quỹ.

1. Việc trích lập, duy trì và sử dụng các quỹ của Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Các tổ chức tín dụng và của Bộ Tài chính.

2. Công ty Tài chính không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả lợi tức hoặc phân phối cho các chủ sở hữu, cổ đông dưới bất cứ hình thức nào, trừ khi Công ty Tài chính giải thể và thanh lý, nhưng phải ưu tiên trả cho chủ nợ trước khi hoàn trả lại các chủ sở hữu, cổ đông.

**Điều 34.** Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài.

Bên nước ngoài trong Công ty Tài chính được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận được chia và số tài sản sau khi đã thanh lý hoặc kết thúc hoạt động theo quy định tại Điều 112 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 35.** Chế độ báo cáo tài chính và kiểm toán.

Công ty Tài chính phải thực hiện chế độ báo cáo tài chính, kiểm toán, công khai báo cáo tài chính theo đúng các quy định tại Điều 89, Điều 90, khoản 2 Điều 111 và khoản 1, khoản 2 Điều 122 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### Chương V

#### THANH TRA, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

**Điều 36.** Thanh tra.

1. Công ty Tài chính phải chịu sự thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Tài chính được thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 118 và Điều 119 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 37.** Kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể và thanh lý.

Việc kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể và thanh lý đối với Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại Chương V Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 38.** Khen thưởng và kỷ luật.

Việc khen thưởng và xử lý vi phạm của Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại

Chương X Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### Chương VI

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 39.** Hiệu lực thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây trái với Nghị định này.

2. Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 40.** Việc điều chỉnh đối với các Công ty Tài chính được cấp Giấy phép trước khi Nghị định có hiệu lực.

Các Công ty Tài chính đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, được quy định như sau:

1. Không phải thực hiện các thủ tục xin cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Thời hạn hoạt động được áp dụng như quy định trong Giấy phép đã cấp.

3. Trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, phải điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động theo đúng Nghị định này.

**Điều 41.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI